TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2018/HNGĐ - ST
Ngày 27/11/2018
V/v Ly hôn giữa chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Cảnh;

2. Bà Ngô Thị Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Công Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Đức Cường - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 39/ 2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/ 2018/QĐXX - ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: chị Trần Thị H; Sinh năm: 1984
Trú tại: xóm C P - xã Đ H - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.(Có mặt)

Bị đơn: anh Triệu Văn T; Sinh năm: 1983
Trú tại: xóm B K - xã T Hu - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị H trình bày như sau: Tôi (H) và anh T kết hôn vào ngày 13 tháng 9 năm 2009. Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, Có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ H, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng tình cảm vợ chồng bình thường, đã có thời gian sống chung, con chung chưa có.

Nguyên nhân lý do chị H xin ly hôn với anh T là vì trong quá trình sống chung tính tình không hợp, quan diểm sống không đồng nhất, hay sảy ra nhiều mâu thuẫn. Sau khi kết hôn xong chị H và anh T cùng nhau đi làm công nhân đến năm 2016 anh T tự ý bỏ về, anh không chịu tu trí làm ăn, anh sang Trung Quốc làm thuê từ đó vợ chồng không qua lại và không hỏi thăm nhau qua một thời gian tôi đã suy nghĩ kỹ về mối quan hệ vợ chồng tôi cảm thấy không hàn gắn được và chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2016 đến nay .

Về tài sản hồi môn, tài sản chung, tài sản riêng không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết Về quan hệ hôn nhân cho tôi được ly hôn với anh T; Về con chung chưa có; Về tài sản không có nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Triệu Văn T nhiều lần, để tiến hành các thủ tục như tù khai, lấy lời khai, hòa giải nhưng bị đơn đã cố tình lẩn tránh không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn được.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị H cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn, Chứng minh nhân dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn với anh Triệu Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị và anh T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2010 tại UBND xã Đ H, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung, con chung chưa có.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo chị H trình bày là do: trong quá trình sống chung tính tình không hợp, chị H và anh T bất đồng quan điểm sống, hay sảy ra nhiều mâu thuẫn. Sau khi kết hôn chị H và anh T cùng nhau đi làm công nhân đến năm 2016 anh tự ý bỏ về, anh không chịu tu trí làm ăn, hiện nay anh sang Trung Quốc làm thuê từ đó vợ chồng không qua lại và không quan tâm hỏi thăm nhau nữa, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng khồng còn, mục đích hôn nhân không đặt được nên chị H xin ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2016 đến nay .

[3] Đối với bị đơn anh Triệu Văn T Tòa án đã triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Toàn cố tình lẩn tránh không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Triệu văn T được. Theo nguồn tin của cơ sở xóm và xã anh Triệu Văn T có mặt tại địa phương, nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh cố tình lẩn tránh không hợp tác với Tòa án để làm thủ tục giải quyết việc ly hôn với chị Trần Thị Hường.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H không còn tình cảm với anh T, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn tình cảm vợ chồng anh T và chị H không thể hàn gắn quay lại sống chung víi nhau được, hơn nữa anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng trong một thời gian dài. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H làm đơn xin ly hôn với anh Toàn là có căn cứ, đúng pháp luật và đúng với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: không có không xem xét.

[5] Về tài sản: Tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng không có Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H và anh Triệu Văn T được ly hôn.

2. Về con chung và tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận Chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh theo Biên lai số AA/2011/000134 ngày 19 tháng 9 năm 2018.

4. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Triệu Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**** Nơi nhận:***
- Toà Dân sự TAND tỉnh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TA tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã ĐH, xã T H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán
(đã ký)

La Văn Viên